TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi và bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc: "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị U, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lục Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hà Thị U trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại Thôn C, xã G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma tuý, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị U và gia đình đã khuyên nhủ anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay Chị U xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn

với anh H. Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lục Hà T, sinh ngày 30/11/2016 và Lục Quỳnh N, sinh ngày 30/01/2018. Khi ly hôn Chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Lục Quỳnh N, để anh H nuôi con Lục Hà T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lục Văn H trình bày: Anh và Chị U kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/3/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại Thôn C, xã G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma tuý dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, Chị U tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Phúc Sơn, thị xã Nghĩa Lộ ở từ đó đến đến nay. Anh H có xuống đón Chị U một lần vào khoảng năm 2019, một lần vào khoảng năm 2020 nhưng Chị U không về, từ đó anh và Chị U sống ly thân, anh H thỉnh thoảng có xuống thăm con Lục Quỳnh N. Anh H không đồng ý ly hôn vì muốn các con có cả bố và mẹ. Về con chung: Anh và Chị U có 02 con chung là Lục Hà T, sinh ngày 30/11/2016 hiện đang ở cùng anh H và ông bà nội và Lục Quỳnh N, sinh ngày 30/01/2018 hiện đang ở cùng Chị U. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng nếu vẫn phải ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu Chị U cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với trưởng Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái cho biết: Chị Hà Thị U và anh Lục Văn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái và có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng Chị U, anh H sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghiện chất ma tuý, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị U đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Phúc Sơn, thị xã Nghĩa Lộ ở từ năm 2018. Vợ chồng Chị U và anh H đã không chung sống cùng nhau từ năm 2018 đến nay. Chị U và anh H có hai con chung là cháu Lục Hà T, sinh năm 2016 hiện đang ở cùng anh H tại Thôn C, xã G và cháu Lục Quỳnh N, sinh năm 2018 hiện đang ở cùng Chị U.

Tại biên bản xác minh với Phó trưởng công an xã G cho biết: Anh H là đối tượng nghiện chất ma tuý thuộc sự quản lý, theo dõi của công an xã. Anh H hiện đang uống thuốc Metadone tại Trung tâm y tế thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị U: Xử cho Chị U được ly hôn với anh H; Về con chung: Cháu Lục Hà T, sinh năm 2016 hiện đang sinh sống ổn định cùng với anh H, cháu Lục Quỳnh N, sinh năm 2018 hiện đang sinh sống ổn định cùng Chị U đề nghị giao cho Chị U và anh

H mỗi người nuôi một con, Chị U nuôi con Lục Quỳnh N, anh H nuôi con Lục Hà T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lục Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái do đó vụ án do Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên toà bị đơn anh Lục Văn H vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Hà Thị U vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Hà Thị U và anh Lục Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị U và anh Lục Văn H kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/20216 tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị U và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống Chị U và anh H đều trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân là do anh H nghiện chất ma tuý và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để các con có bố mẹ. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là do anh H nghiện chất ma tuý, anh H, Chị U không chung sống cùng nhau từ năm 2018 đến nay. Hội đồng xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị U và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của Chị U phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị U và anh H có 02 con chung là Lục Hà T, sinh ngày 30/11/2016 và Lục Quỳnh N, sinh ngày 30/01/2018. Ly hôn, Chị U có nguyện vọng được nuôi con Lục Quỳnh N, để anh H nuôi con Lục Hà T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có nguyện vọng được nuôi cả hai con không yêu cầu Chị U phải cấp dưỡng nuôi con. Chính quyền xác nhận cháu T hiện đang sinh

sống cùng anh H tại Thôn C, xã G; cháu N hiện đang sinh sống cùng Chị U tại xã Pthị xã Ng. Để đảm ổn định sinh hoạt, học tập của các con chưa thành niên nên cần giao cho Chị U trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị U phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị U được ly hôn anh Lục Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị U được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lục Quỳnh N, sinh ngày 30/01/2018; Giao cho anh Lục Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lục Hà T, sinh ngày 30/11/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Chị U đã nộp theo biên lai số: AA/2022/0001251 ngày 23/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái. Chị Hà Thị U đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Hà Thị U và anh Lục Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã G
(KH số 20 ngày 22/3/2016);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hoa Quỳnh